**Cách 1: Đề tự luận 100%**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng** | **% Tổng điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng**  | **Vận dụng cao** |  |  |
| ***Tỉ lệ******(%)*** | ***Thời gian******(phút)*** | ***Tỉ lệ******( %)*** | ***Thời gian******(phút)*** | ***Tỉ lệ******(%)*** | ***Thời gian******(phút)*** | ***Tỉ lệ******(%)*** | ***Thời gian******(phút)*** | ***Số******câu hỏi*** | ***Thời gian (phút)*** |
| **1** | Đọc hiểu | 15 | 5 | 15 | 5 | 10 | 10 | 0 | 0 | 06 | 20 | 40 |
| **2** | Làm văn | 25 | 10 | 15 | 10 | 10 | 20 | 10 | 30 | 01 | 70 | 60 |
| **Tổng** | **40** | **15** | **30** | **15** | **20** | **30** | **10** | **30** | **07** | **90** | **100** |
| **Tỉ lệ %**  | **40** | **30** | **20** | **10** |  |  | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | **70** | **30** |  | **100** |

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

| **TT** | **Nội dung kiến thức/kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kĩ năng** | **Mức độ kiến thức,** **kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | **Tổng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng**  | **Vận dụng cao** |  |
| **1** | **ĐỌC HIỂU** | Đọc hiểu văn bản thơ đường luật(Ngoài SGK) | **Nhận biết:**- Xác định được thể loại văn bản- Chỉ ra được biện pháp tu từ nghệ thuật của văn bản **Thông hiểu:**- Hiểu được ý nghĩa nhan đề văn bản.- Hiểu được nghĩa thực và nghĩa tượng trưng của hình tượng nghệ thuật trong văn bản.- Hiểu được tâm sự của tác giả được thể hiện trong văn bản.**Vận dụng:**- Đặt mình vào thời đại của nhà thơ để chia sẻ với nỗi niềm tâm sự của ông  | 2 | 3 | 1 | 0 | 6 |
| **2** | **LÀM VĂN** | Từ nội dung bài thơ, viết bài văn nghị luận xã hội bàn về danh và thực trong học tập của học sinh ngày nay  | **Nhận biết:**- Xác định được vấn đề xã hội cần bàn luận.- Xác định được cách thức trình bày bài văn.**Thông hiểu:**- Diễn giải về nội dung, ý nghĩa của vấn đề nghị luận.**Vận dụng:**- Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề xã hội.**Vận dụng cao:**- Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về vấn đề xã hội.- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục. |  |  |  |  | 1 |
| **Tổng** |  |  |  |  |  | **7** |
| **Tỉ lệ %** |  | **40** | **30** | **20** | **10** |  |
| **Tỉ lệ chung** |  | **70** | **30** |  |

**ĐỀ BÀI**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

Cũng cờ, cũng biển cũng cân đai

Cũng gọi ông Nghè có kém ai.

Mảnh giấy làm nên thân giáp bảng,

Nét son điểm rõ mặt văn khôi.

Tấm thân xiêm áo sao mà nhẹ,

Cái giá khoa danh ấy mới hời.

Ghế chéo lọng xanh ngồi bảnh chọe,

Nghĩ rằng đồ thật hóa đồ chơi.

**(Tiến sĩ giấy – Nguyễn Khuyến)**

**Câu 1**. Xác định thể thơ?

**Câu 2.**Anh/chị biết gì về loại trò chơi dân gian “tiến sĩ giấy”?

**Câu 3**. Xác định vàphân tích hiệu quả của điệp từ “cũng” trong câu thơ đầu?

**Câu 4*.*** Em có suy nghĩ gì về câu thơ “Mảnh giấy làm nên thân giáp bảng”?

**Câu 5.** Câu thơ cuối cùng bộc lộ tình cảm, thái độ gì của tác giả?

**Câu 6**. Hãy viết một đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) để chia sẻ với Nguyễn Khuyến về hiện trạng tiến sỹ giấy trong xã hội đương thời?

**PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)**

Từ bài thơ Vịnh tiến sỹ giấy của Nguyễn Khuyến, anh/chị hãy viết bài văn nghị luận bàn về vấn đề danh và thực trong học tập của học sinh hiện nay?

 **ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **4,0** |
|  | **1** | Thể thơ: Thất ngôn bát cú đường luật***Hướng dẫn chấm***: Trả lời đúng như đáp án 0,5 điểm | 0,5 |
| **2** | - Cùng với kì lân, đèn ông sao, đèn kéo quân…, “tiến sỹ giấy” là loại đồ chơi dân gian phổ biến trong mỗi dịp tết trung thu của con trẻ thời xưa. - Thời phong kiến, dân ta vốn hiếu học, trọng khoa bảng, muốn cổ vũ, khích lệ việc học nên đã dựng hình nộm tiến sĩ để trẻ con vừa nghinh rước trong dịp Tết trung thu, vừa noi gương học tập. ***Hướng dẫn chấm***: Mỗi ý 0,25 điểm | 0,5 |
| **3** | - Biện pháp tu từ: Phép điệp từ “cũng” – lặp lại 3 lần - Tác dụng: + Điệp từ cũng trong hai câu thơ đầu dày đặc, dồn dập hình thành trong người đọc nhận thức về một đối tượng (bản sao, bản nháp, hoặc đồ giả) trong tương quan với một đối tượng hác (bản gốc, đối tượng thực), từ đó khơi gợi trong người đọc hai kiểu thái độ: một là, thú vị gật gù tán thưởng cái hình nộm “tiến sĩ giấy”; hai là mỉa mai, giễu cợt đối với loại “tiến sĩ rởm” – loại tiến sĩ không có thực lực mà chỉ dựa trò mua quan bán tước.+ Phép điệp tạo nhịp điệu cho câu thơ, thể hiện giọng mỉa mai châm biếm nhẹ nhàng mà thâm thúy. ***Hướng dẫn chấm****:**- Xác định được biện pháp tu từ: 0,25 điểm**- Trả lời chạm ý hoặc chưa rõ ràng 0,25 điểm* | 0,5 |
| **4** | Câu thơ “Mảnh giấy làm nên thân giáp bảng”- Trước hết, câu thơ mang nét nghĩa tả thực: Làm ra một ông tiến sĩ đồ chơi rất đơn giản, chỉ cần những mảnh giấy vụn với một ít màu điểm chỗ này, tô chỗ khác là có ngay “một ông nghè tháng tám”. Bởi thế các cửa hàng hàng mã có thể làm ra hàng loạt các ông nghè vào dịp tết Trung thu để đem bày bán khắp các chợ tỉnh chợ quê. - Sau, cần thấy lời thơ mang ý vị mỉa mai, châm biếm sâu cay: những ông nghè làm bằng giấy kia xiêm áo, khoa danh đủ cả nhưng đều bị người đời coi rẻ, dùng làm trò tiêu khiển và kiếm lãi. Tương tự, cái đám tiến sĩ không có thực học mà dùng tiền mua danh ấy cuối cùng cũng đáng để người đời chê cười, dè bỉu mà thôi.***Hướng dẫn chấm****:**- Trả lời như Đáp án: 0 ,75 điểm**- Trả lời được 1 ý trong Đáp án: 0,5 điểm* | 0,75 |
| **5** | ***- Thái độ của tác giả thể hiện trong câu thơ cuối***+ Tác giả trực tiếp bày tỏ thái độ của mình với đám tiến sĩ không có thực học. Bằng việc đối lập giữa hai loại đồ thật với đồ chơi, Nguyễn Khuyến đã phân biệt rõ ràng hai tiến sĩ cũng mang danh tiến sĩ, cũng xênh xang mũ cao áo rộng như ai…nhưng thực chất, các ông nghè đang chễm chệ trên ngôi cao đều là “bọn tiến sĩ giấy” cả. Chúng thực chất chỉ là những thằng hề, chỉ đáng là trò chơi con trẻ, đáng bị người đời coi rẻ. + Lời thơ chua chát, nặng trĩu ưu phiền và không giấu được nỗi ngậm ngùi cho danh vị cao quí bởi bản thân Nguyễn Khuyến cũng là một tiến sĩ, tất nhiên, một ông tiến sĩ thực, có thực tâm, thực tài.***Hướng dẫn chấm****:* *- Trả lời được 2 ý như đáp án: 0,75 điểm.**- Trả lời được 1 ý như đáp án: 0,5 điểm* | 0,75 |
|  | **6** | - Đảm bảo hình thức đoạn văn.- Nội dung*: Chia sẻ với Nguyễn Khuyến về hiện trạng tiến sĩ giấy đương thời* + Là một nho sĩ từn “nấu sử sôi kinh”, “thông kim bác cổ”, danh xứng bảng vàng bia đá, Nguyễn Khuyến không khỏi đau lòng trước tệ trạng “tiến sĩ giấy đương thời”. Lời thơ nhẹ nhàng nhưng đầy chua chát, suy tư, thể hiện rõ thái độ bất bình của cụ Yên Đổ về “đám tiến sĩ rởn”.+ Bày tỏ thái độ thấu hiểu, đồng cảm, chia sẻ với Nguyễn Khuyến trước thực trạng đen tối của chế độ khoa cử đương thời. ***Hướng dẫn chấm****:* *- Đảm bảo hình thức đoạn văn, đúng chủ đề:0,25 điểm.**- Trả lời như đáp án: 0,75 điểm*  | 1,0 |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **6,0** |
|  |  | **Viết bài văn nghị luận bàn về vấn đề danh và thực trong học tập của học sinh hiện nay** |  |
| *a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. | 0,5 |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*Vấn đề danh và thực của học sinh hiện nay | 0,5 |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
| – **Giới thiệu vấn đề:** Vấn đề danh và thực trong học tập của học sinh hiện nay | 0,5 |
| – **Bài học “danh” và “thực” rút ra từ bài thơ Tiến sỹ giấy**+ Thông qua hình tượng “tiến sỹ giấy”, nhà thơ Nguyễn Khuyến muốn nói đến những kẻ bề ngoài mang danh của người có học thức cao nhưng thực chất bên trong lại quá thấp kém, không tương xứng với cái danh mà mình đang mang.+ Cần có sự thống nhất giữa “danh” và “thực” trong mỗi con người ở mỗi cương vị–  **Bàn luận về “danh” và “thực” trong học tập của học sinh hiện nay**+ “Danh” là cái tiếng, cái bề ngoài, cái hình thức, “thực” là cái nội dung, thực chất bên trong.+ Biểu hiện của thói háo danh của học sinh ngày nay: bệnh ưa thành tích; bệnh gian lận trong thi cử…+ Hậu quả: Quá đề cao “danh”, coi thường thực chất, thực lực nên nhiều bạn đang biến mình thành những ông “tiến sỹ giấy” đáng thương như trong bài thơ của Nguyễn Khuyến * **Bàn luận mở rộng**:

+ Có những người hữu danh hữu thực, tức là có cả danh và thực. cả tiếng tăm và thực chất; cũng có người hữu thực vô danh, có thực lực thực chất nhưng lại chưa có danh phận, danh tiếng; có cả loại người hữu danh vô thực, “có tiếng nhưng không có miếng”. + Nhân cách thứ ba (hữu danh vô thực) là một thói xấu bấy lâu nay vẫn tồn tại trong đời sống con người. Thói xấu ấy đã len lỏi cả trong học đường, trở thành tệ nạn đáng phê phán: háo danh**- Nêu bài học nhận thức và hành động**: + Thay đổi ý thức, nhận thức của học sinh về “danh” và thực.+ Nỗ lực học tập thật tốt, bằng lòng với những gì mình đạt được. ***Hướng dẫn chấm****:**- Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,0 điểm - 2,5 điểm.**- Phân tích đầy đủ nhưng có ý chưa sâu hoặc phân tích sâu nhưng chưa thật đầy đủ: 1,0 điểm - 1,75 điểm.**- Phân tích chưa đầy đủ hoặc chung chung, sơ sài: 0,25 điểm - 0,75 điểm.* | 3,0 |
| - Khẳng định lại mối quan hệ giữa danh và thực- Liên hệ bản thân ***Hướng dẫn chấm****:**- Trình bày được 2 ý: 0,5 điểm.**- Trình bày được 1 ý: 0,25 điểm.* | 0,5 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0,5 |
| *e. Sáng tạo*Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.***Hướng dẫn chấm****: Học sinh biết vận dụng thực tiễn đời sống để làm nổi bật vấn đề nghị luận; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.**- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.**- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm*. | 0,5 |
| **Tổng điểm** | **10,0** |